

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường);

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030”;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030”.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch nêu tại Điều 1 của Quyết định này, Thủ trưởng

các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc tổ chức thực hiện.

Tổng cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị, tổng hợp, định kỳ báo cáo Bộ kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để b/c);
- Các Thủ trưởng Bộ TNMT;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TNMT;
- Công TTĐT Bộ TNMT;
- Lưu: VT, TCKTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

KẾ HOẠCH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thực hiện Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030” (sau đây gọi tắt là Đề án), Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp quy định tại Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.
- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện.
- Xác định trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Đề án.
- Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Đề án, xác định các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, sản phẩm dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai Quyết định số 1261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị có hiệu quả, đúng tiến độ.
- Tạo sự chuyển biến tích cực và nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm trong công tác dự báo, quan trắc và thông tin và dữ liệu khí tượng thủy văn theo hướng ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại.
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này chủ động bố trí, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch này phải đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác khí tượng thủy văn; quy trình vận hành, quản lý hệ thống mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; đánh giá, tổng kết công tác thi hành Luật Khí tượng thủy văn, điều tra khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn;

- Hoàn thành công tác sắp xếp lại tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng được nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có trình độ, chất lượng đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn và Chiến lược phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số khí tượng thủy văn

- Phát triển công nghệ thông tin khí tượng thủy văn bao gồm: hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số; đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, thông suốt của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia tập trung, liên thông với các cơ sở dữ liệu chung của quốc gia; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; số liệu quan trắc tại các trạm thuộc hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia được thu nhận sát theo thời gian thực, kiểm soát, lưu trữ theo đúng quy định.

- Hoàn thành chuyển đổi số lĩnh vực khí tượng thủy văn; số hóa tư liệu giấy khí tượng thủy văn; tăng cường năng lực tính toán chuyên ngành khí tượng thủy văn của hệ thống.

- Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động; vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia.

3. Mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn

- Hiện đại hóa công nghệ quan trắc khí tượng thủy văn đến năm 2030 tăng thêm số trạm tự động trên toàn mạng lưới. Nghiên cứu bước đầu áp dụng công nghệ quan trắc bằng vệ tinh, camera, trí tuệ nhân tạo.

- Tăng dày mật độ ra-đa thời tiết cho các khu vực trên đất liền, khu vực biên giới, các đảo và quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam; lồng ghép mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

- Hiện đại hóa hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn.

- Đầu tư, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai

chuyên dùng, nhất là đối với mưa, bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.

4. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

- Nâng cao độ tin cậy dự báo khí tượng thủy văn hàng ngày trong điều kiện thời tiết bình thường.

- Dự báo đủ độ tin cậy quỹ đạo và cường độ áp thấp nhiệt đới trước 02-03 ngày, tăng thời hạn cảnh báo quỹ đạo và cường độ bão trước 03-05 ngày.

- Dự báo, cảnh báo lũ đủ độ tin cậy đối với các hệ thống sông lớn ở Bắc Bộ trước 02-03 ngày, ở Trung Bộ trước 01-02 ngày, ở Nam Bộ trước 10 ngày; tăng chất lượng dự báo định lượng mưa lớn trước 02-03 ngày lên thêm 05-10% so với năm 2020; cảnh báo đủ độ tin cậy lũ quét, sạt lở đất trước 06 giờ; tăng thời hạn dự báo thời tiết đến 10 ngày, cảnh báo xu thế diễn biến một số hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm đến 01 tháng, cảnh báo hiện tượng ENSO tác động đến Việt Nam, hạn hán, xâm nhập mặn từ 03 tháng đến 01 năm; nâng chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn dẫn đầu các nước trong khu vực ASEAN.

- Cung cấp 100% thông tin phân vùng thiên tai, rủi ro thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước phục vụ việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của quốc gia.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế

- Từng bước nghiên cứu làm chủ công nghệ phương tiện đo, thám sát bằng phương tiện bay, vệ tinh khí tượng, mô hình tính toán toàn cầu về khí tượng, mô hình thủy văn, hải văn hiện đại.

- Tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới trong dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nghiên cứu quan trắc, đo đạc, thám sát, chia sẻ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; đào tạo, cử chuyên gia, đại diện của Việt Nam tham gia vào các cơ quan, tổ chức, diễn đàn điều hành của Tổ chức Khí tượng Thế giới và các tổ chức quốc tế khác về khí tượng thủy văn.

- Huy động nguồn lực hỗ trợ/tài chính từ các khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương và các tổ chức quốc tế quan tâm và có thế mạnh trong lĩnh vực liên quan nhằm hỗ trợ công tác nghiên cứu, ứng dụng trong ngành Khí tượng Thủy văn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn

- Là đơn vị đầu mối triển khai Kế hoạch, đôn đốc thực hiện bảo đảm tiến độ, mục tiêu, hiệu quả; tổng hợp tình hình báo cáo Bộ theo chế độ quy định.

- Tham mưu Bộ Tài nguyên và Môi trường có cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn; chủ trì tổ chức truyền thông, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

- Là đầu mối tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Đề xuất các biện pháp cần thiết đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn và các đơn vị liên quan xem xét, thẩm định, bố trí kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định này.

3. Vụ Pháp chế

Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật tạo điều kiện, thúc đẩy triển khai Đề án.

4. Vụ Hợp tác quốc tế

Phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn và các đơn vị liên quan đẩy mạnh kết nối, trao đổi và cung cấp thông tin, vận động các tổ chức, đối tác quốc tế hỗ trợ nguồn lực, khoa học và công nghệ phục vụ triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

5. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ vào Kế hoạch này để triển khai các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị báo cáo, kiến nghị với Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Khí tượng Thủy văn) để xem xét, xử lý.

- Định kỳ hằng năm, các đơn vị tiến hành đánh giá, báo cáo Bộ (qua Tổng cục Khí tượng Thủy văn) về kết quả thực hiện để tổng hợp./.

Phụ lục**NỘI DUNG CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ THỜI KỲ 2026-2030***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cơ cấu tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực			
1.1	Điều tra khảo sát, thu thập thông tin phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn. Xây dựng và triển khai thực hiện Dự án sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng Thủy văn (KTTV)	1. Vụ Pháp chế. 2. Văn phòng Bộ. 3. Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ.	2024-2025
1.2	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước tham gia cung cấp dịch vụ, công nghệ về KTTV, sản xuất, lắp ráp các phương tiện đo, trang thiết bị sử dụng trong mạng lưới trạm KTTV quốc gia	Tổng cục KTTV	1. Vụ Pháp chế. 2. Văn phòng Bộ. 3. Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ.	2024-2025
1.3	Phát triển nguồn nhân lực của Tổng cục KTTV đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”	Tổng cục KTTV	1. Vụ Tổ chức cán bộ 2. Vụ Kế hoạch – Tài chính	2025-2026
1.4	Phổ biến, giáo dục pháp luật về KTTV, thông tin KTTV, biến đổi khí hậu	Tổng cục KTTV	1. Văn phòng Bộ 2. Vụ Pháp chế; 3. Các cơ quan, đơn vị truyền thông có liên quan; 4. Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ.	2024-2025
II	Hiện đại hóa công nghệ thông tin và chuyển đổi số			
2.1	Ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa và chuyển đổi số ngành KTTV	Tổng cục KTTV	1. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường. 2. Vụ Kế hoạch – Tài chính	2026-2029

TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			3. Các đơn vị có liên quan.	
2.2	Xây dựng, hoàn thiện các CSDL của Tổng cục KTTV, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đến năm thường xuyên, liên tục.	Tổng cục KTTV	1. Tổng cục KTTV. 2. Các đơn vị có liên quan.	2023-2025
III	Hiện đại hóa Mạng lưới quan trắc và Dự báo khí tượng thủy văn			
3.1	Xây dựng hệ thống tích hợp công nghệ thông tin về giám sát và dự báo bão	Tổng cục KTTV	1. Vụ Kế hoạch – Tài chính. 2. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu TNMT.	2025-2028
3.2	Tăng cường hệ thống giám sát hải văn bằng công nghệ hiện đại	Tổng cục KTTV	1. Vụ Hợp tác quốc tế 2. Vụ Kế hoạch – Tài chính. 3. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2026-2029
3.3	Phát triển, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc KTTV giai đoạn 2026-2030	Tổng cục KTTV	1. Vụ Kế hoạch – Tài chính. 2. Các đơn vị có liên quan.	2027-2030
3.4	Tăng cường năng lực quản lý rủi ro và dự báo, cảnh báo lũ lụt thích ứng với biến đổi khí hậu	Tổng cục KTTV	1. Vụ Hợp tác quốc tế 2. Vụ Kế hoạch – Tài chính. 3. Các đơn vị có liên quan.	2027-2030
3.5	Tăng cường năng lực quan trắc khí tượng trên cao phục vụ phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội	Tổng cục KTTV	1. Vụ Hợp tác quốc tế 2. Vụ Kế hoạch – Tài chính. 3. Các đơn vị có liên quan.	2026-2029
IV	Ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế			
4.1	Nghiên cứu đổi mới sáng tạo sản xuất thử nghiệm thiết bị đo khí tượng, thủy văn, hải văn theo hướng hiện đại, tự động hoá	Tổng cục KTTV	1. Vụ Khoa học và Công nghệ. 2. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường. 3. Các đơn vị có liên quan.	2026-2028
4.2	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới trong dự báo, cảnh báo KTTV	Tổng cục KTTV	1. Vụ Khoa học và Công nghệ. 2. Các đơn vị có liên quan.	2026-2030